

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Trao gửi niềm tin,
đầu tư sáng suốt



TRAO GỬI NIỀM TIN – ĐẦU TƯ SÁNG SUỐT**MỤC LỤC****TRANG**

<i>THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI VIỆT NAM</i>	<i>2</i>
<i>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2019</i>	<i>3</i>
<i>THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NĂM 2019 VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NĂM 2020</i>	<i>7</i>
<i>CÁC BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2019</i>	<i>13</i>
<i>XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH KPMG</i>	<i>15</i>



THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Quý Khách hàng thân mến,

Dai-ichi Life Việt Nam đã kết thúc tốt đẹp năm 2019 với tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt trên **13.000 tỷ đồng**, tăng **14%** so với năm 2018 và chiếm **12%** thị phần tổng doanh thu phí, tiếp tục là một trong ba công ty BHNT nước ngoài lớn nhất thị trường. Đặc biệt, năm 2019 là năm ghi dấu ấn quan trọng với mốc son vinh dự phục vụ hơn **3 triệu** khách hàng, và đây cũng là năm đầu tiên lợi nhuận sau thuế của Dai-ichi Life Việt Nam vượt mốc trên **1.000 tỷ đồng**, đạt gần **1.300 tỷ đồng**.

Với những nỗ lực không ngừng trong kinh doanh và trách nhiệm xã hội, Dai-ichi Life Việt Nam đã vinh dự nhận **Bằng khen của Bộ Tài chính** lần thứ 4, được vinh danh là **Doanh nghiệp vì Cộng đồng**; được xếp trong **Top 4 Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm lớn nhất và là Á quân trong Top các Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài lớn nhất Việt Nam** tại Lễ công bố Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2019 (VNR500). Với vị trí cao thứ **106** trong toàn bảng xếp hạng VNR500 năm 2019, Dai-ichi Life Việt Nam tiếp tục khẳng định tiềm lực tài chính vững mạnh, uy tín thương hiệu bảo hiểm hàng đầu, cũng như những đóng góp tích cực của Công ty đối với nền kinh tế và xã hội Việt Nam.



Trong năm qua, được hỗ trợ kinh nghiệm đầu tư từ Tập đoàn Dai-ichi Life, sản phẩm bảo hiểm nhân thọ kết hợp đầu tư tài chính **An Thịnh Đầu Tư** của Dai-ichi Life Việt Nam vẫn tiếp tục phát huy thế mạnh, mang đến sự hài lòng cao nhất cho khách hàng. Kết hợp hài hòa giữa tính năng bảo vệ tài chính vốn có của bảo hiểm, đồng thời mang đến cơ hội gia tăng giá trị tài sản thông qua sự linh hoạt trong lựa chọn đầu tư vào 3 Quỹ liên kết tùy chọn, **An Thịnh Đầu Tư** đã trở thành một trong những giải pháp đầu tư tài chính hàng đầu, an toàn và hiệu quả cho khách hàng.

Với báo cáo thường niên này, chúng tôi xin cập nhật đến Quý Khách tình hình hoạt động khả quan của các Quỹ trong năm qua và hy vọng Quý Khách sẽ hài lòng và an tâm khi “Trao gửi niềm tin - Đầu tư sáng suốt” cùng Dai-ichi Life Việt Nam.

Thị trường chứng khoán toàn cầu năm 2020 dự kiến sẽ thăng hoa trong bối cảnh kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, tăng trưởng kinh tế khả quan với các yếu tố lạm phát, tỷ giá đều được điều hành linh hoạt và kiểm soát chặt chẽ. Tuy nhiên, như chúng ta đã biết, dịch bệnh Covid-19 bùng phát từ đầu năm đã tạo những biến động khá tiêu cực lên thị trường chứng khoán. Mặc dù vậy, nhìn lại lịch sử hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, có thể nói đây chỉ là những biến động mang tính chất ngắn hạn. Do đó, để đầu tư hiệu quả, các nhà đầu tư cần kiên định với kế hoạch tài chính đề ra, tiếp tục duy trì tính dài hạn và kỷ luật trong đầu tư. Với đội ngũ chuyên gia chuyên nghiệp, nhanh nhạy bắt kịp xu thế thị trường, chúng tôi luôn tìm kiếm và chọn lọc cơ hội đầu tư tốt nhất cho Quý khách. Trung thành với triết lý kinh doanh **“Khách hàng là trên hết”**, Dai-ichi Life Việt Nam cam kết mang đến những giá trị tối ưu cho khách hàng, giúp khách hàng tích lũy, gia tăng giá trị tài sản một cách hiệu quả, lâu dài và bền vững để đảm bảo một cuộc sống an nhàn và tương lai tươi sáng.

Thay mặt Ban lãnh đạo cùng toàn thể đội ngũ nhân viên Dai-ichi Life Việt Nam và Công ty Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, tôi xin chân thành cảm ơn Quý khách đã luôn đồng hành cùng Dai-ichi Life Việt Nam trong suốt thời gian qua, cũng như đã tin tưởng lựa chọn sản phẩm **An Thịnh Đầu Tư** để đầu tư và bảo vệ kế hoạch tài chính cho bản thân và những người thân yêu.

Kính chúc Quý khách cùng gia đình thật nhiều Sức khỏe, Bình an, Hạnh phúc và Thành công.

Trân trọng,
Trần Đình Quân
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2019

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ LỢI NHUẬN CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kinh tế Việt Nam kết thúc năm 2019 với nhiều kết quả tốt đẹp trong đó mức tăng trưởng GDP đạt 7,02%, vượt chỉ tiêu đề ra là 6,6-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tỷ lệ tăng trưởng GDP đạt trên 7% từ năm 2011. Năm 2019 cũng là năm thị trường chứng khoán Việt Nam lấy lại nhịp tăng trưởng nhẹ sau khi suy giảm sâu vào những tháng cuối năm 2018. Song song đà tăng trưởng chung của thị trường, giá trị tài sản của các quỹ liên kết đơn vị Tăng Trưởng cũng đã có mức tăng trưởng tương ứng trong năm.

Từ khi thành lập các Quỹ liên kết đơn vị (6/2015) đến cuối năm 2019, sau 54 tháng, hoạt động đầu tư của các quỹ nhìn chung phản ánh đúng xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường. Cụ thể, tính từ khi thành lập đến ngày 31/12/2019, Quỹ Tăng Trưởng đạt tỷ suất sinh lời 69,63% (tương đương 12,23%/năm) và trong năm 2019, Quỹ Tăng Trưởng đã bắt lại nhịp tăng trưởng với tỷ suất 7,53%. Bên cạnh đó, Quỹ Phát Triển đạt tỷ suất lợi nhuận 58,14% (tương đương 10,52%/năm), còn Quỹ Bảo Toàn đạt tỷ suất lợi nhuận thấp nhất nhưng ổn định, 30,76% (tương đương 6,03%/năm). Một trong những ưu điểm của sản phẩm này là chi phí chuyển đổi quỹ thấp, khách hàng có thể chủ động linh hoạt thay đổi danh mục đầu tư.

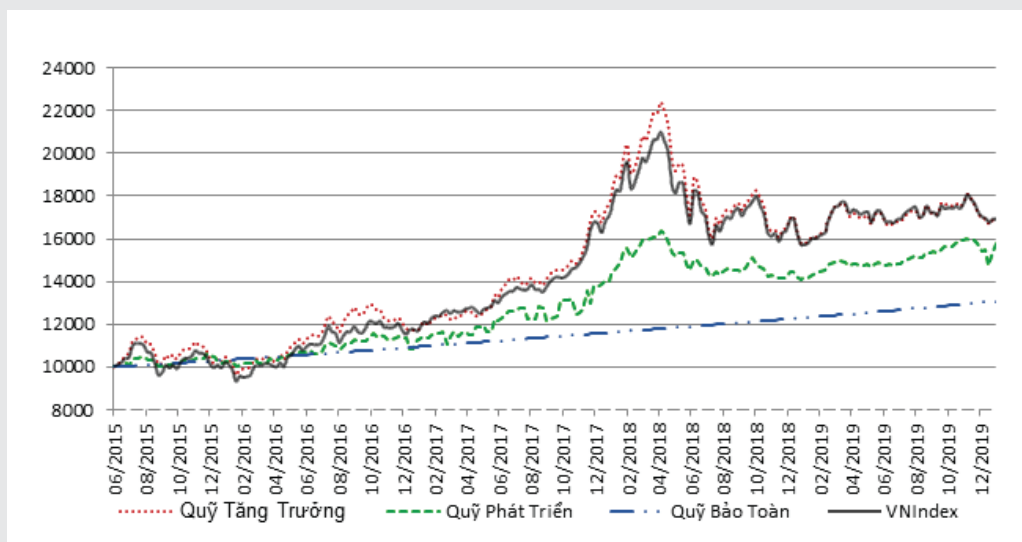
Bảng bên dưới thể hiện tỷ suất sinh lời của các Quỹ

Tỷ suất sinh lời	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	VN Index
2015*	4,59%	2,61%	3,24%	1,96%
2016	12,01%	9,93%	6,06%	14,82%
2017	52,64%	26,56%	6,08%	48,03%
2018	-11,78%	-1,05%	5,90%	-9,32%
2019	7,53%	11,95%	6,29%	7,67%
Tỷ suất sinh lời quy năm	12,23%	10,52%	6,03%	12,17%
Từ 03/06/2015 đến 31/12/2019	69,63%	58,14%	30,76%	69,22%

*Từ 03/06/2015 đến 31/12/2015

Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và phí đầu tư trực tiếp

Biểu đồ bên dưới thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các Quỹ



Danh sách 05 cổ phiếu tiêu biểu trong danh mục đầu tư của các Quỹ

CỔ PHIẾU	CÔNG TY	NHÓM NGÀNH	TỶ TRỌNG (% NAV)
VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	10,05%
VIC	Tập Đoàn Vingroup	Bất Động Sản - Tập Đoàn	7,34%
VNM	Công ty cổ phần sữa Việt Nam	Tiêu Dùng - Thực Phẩm, Sữa	6,01%
FPT	Tập Đoàn FPT	Công Nghệ Thông Tin	4,97%
BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát Triển Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	4,89%

(Số liệu cập nhật tại ngày 31/12/2019)

Mục tiêu, chính sách và lĩnh vực đầu tư của các Quỹ

Tên Quỹ	Mục tiêu	Chính sách và rủi ro đầu tư	Lĩnh vực đầu tư
Quỹ Tăng Trưởng	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Chính sách đầu tư: Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Cao	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (80% - 100%), trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (0%-20%).
Quỹ Phát Triển	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn	Chính sách đầu tư: Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn. Rủi ro đầu tư: Trung bình	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (15% -55%), trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (45%-85%).
Quỹ Bảo Toàn	Tạo thu nhập ổn định.	Chính sách đầu tư: Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Thấp	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (100%).



Quỹ Tăng Trưởng

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Tăng Trưởng tăng từ 15.775,58 đồng tại cuối năm 2018 lên đến 16.963,25 đồng tại cuối năm 2019, tương ứng tăng 7,53%. Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu tốt, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của quỹ này cũng cao tương ứng.

Quỹ Phát Triển

Quỹ này có mục tiêu cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn cao từ trung đến dài hạn nên quỹ có danh mục đầu tư đa dạng. Quỹ phân bổ tỷ trọng đầu tư chủ yếu vào các tài sản bằng tiền đồng Việt Nam mang lại thu nhập cố định đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn cao với tỷ trọng thích hợp tùy vào điều kiện thị trường.

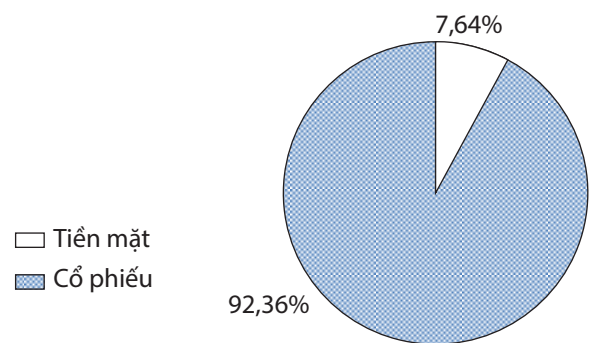
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Phát Triển tăng từ 14.125,15 đồng tại cuối năm 2018 lên đến 15.813,69 đồng tại cuối năm 2019, tương ứng tăng 11,95%. Do tính đa dạng trong danh mục đầu tư nên tính biến động và rủi ro của quỹ này thấp hơn so với Quỹ Tăng Trưởng.

Quỹ Bảo Toàn

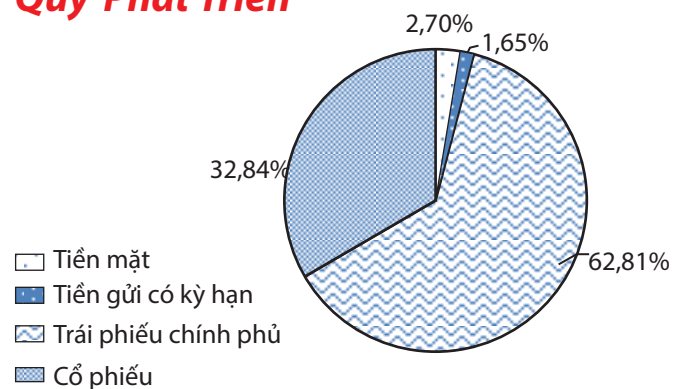
Quỹ này có mục tiêu giữ bảo toàn vốn và tạo thu nhập ổn định. Quỹ chủ yếu đầu tư vào các tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Bảo Toàn tăng từ 12.302,38 đồng tại cuối năm 2018 lên 13.076,35 đồng tại cuối năm 2019, tương ứng tăng 6,29%. Quỹ này chỉ đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định nên tính biến động và rủi ro thấp.

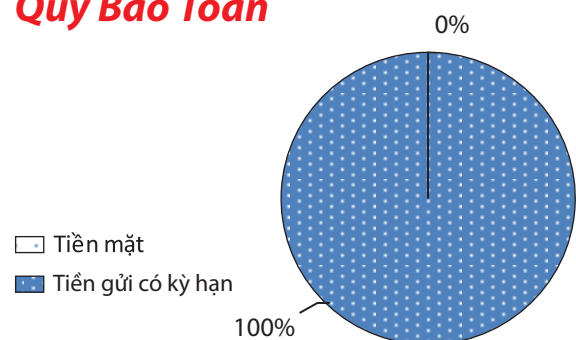
Quỹ Tăng Trưởng



Quỹ Phát Triển



Quỹ Bảo Toàn





CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Phí quản lý Quỹ

	TỶ LỆ	SỐ TIỀN
Quỹ tăng trưởng	2%	1.428.294.257
Quỹ phát triển	2%	1.349.904.518
Quỹ bảo toàn	0,5%	140.222.355

Phí đầu tư trực tiếp

	SỐ TIỀN
Quỹ tăng trưởng	156.051.257
Quỹ phát triển	55.022.693
Quỹ bảo toàn	2.024.220

CỔ TỨC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CỔ TỨC ĐẾN TÀI SẢN RÒNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Quỹ Tăng Trưởng, Quỹ Phát Triển và Quỹ Bảo Toàn là quỹ không chia cổ tức nên các quỹ này sẽ không phân chia cổ tức cho các Chủ hợp đồng.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NĂM 2019 VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NĂM 2020

Điểm sáng kinh tế 2019: tăng trưởng kinh tế (GDP) khả quan đạt 7,02% dù thấp hơn 2018 nhưng là năm thứ hai liên tiếp đạt trên 7%, ngưỡng không thể đạt được trong 10 năm trước đó. Bên cạnh đó, các chỉ số vĩ mô chính ổn định, lạm phát, lãi suất và tỷ giá đều được điều hành linh hoạt và kiểm soát chặt chẽ. Động lực tăng trưởng đến từ khu vực tư nhân và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn khả quan mặc dù bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều diễn biến phức tạp.

Chỉ số	2019	2020F
Tăng trưởng kinh tế (GDP - %)	7,02%	6,70%
Lạm phát (CPI bình quân YoY - %)	2,79%	3,50%
Tỷ giá (VND tăng/giảm giá so với USD)	-0,1%	-1,0%
Tăng trưởng tín dụng (%)	13,7%	14,0%
Tổng phương tiện thanh toán (M2)	14,8%	
Thặng dư thương mại (tỷ USD)	9,9	7,9
Giải ngân vốn FDI (tỷ USD)	20,4	22
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	
Lợi suất trái phiếu chính phủ 5-năm (%)	2,03	

(Nguồn: Tổng cục thống kê, DFVN research)

Một năm nhiều biến động của thị trường chứng khoán:

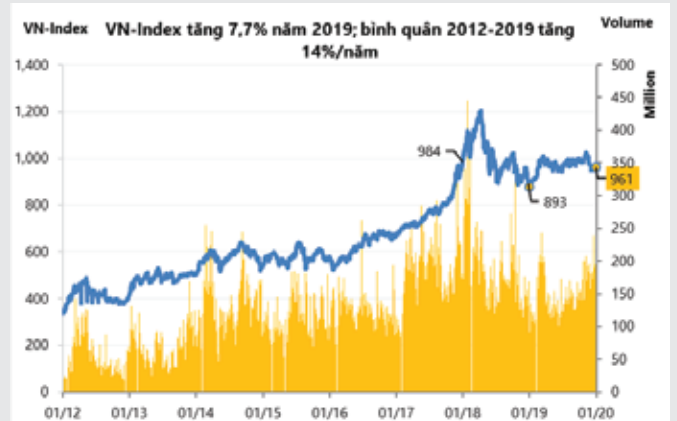
Chỉ số VN-Index kết thúc phiên giao dịch cuối năm 31/12/2019 tại 960.99 điểm. Trải qua nhiều biến động, VN-Index vẫn tăng 7,7% trong năm 2019. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019 được chia làm 2 giai đoạn rõ rệt, tăng điểm trong hầu hết quý 1 và sau đó đi ngang trong phần còn lại của năm. Dù tâm lý thị trường yếu và xuất hiện nhiều rủi ro trên thị trường tài chính thế giới, VN-Index chủ yếu đi ngang trong vùng 950-1000 điểm, một tín hiệu cho thấy VN-Index đang trong một vùng tích lũy khá vững chắc để đón chờ các tín hiệu mới.

Các nhân tố và sự kiện đáng chú ý có thể ảnh hưởng đến kinh tế và thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam 2020

- **Yếu tố trong nước tích cực**, kinh tế dự báo duy trì đà tăng trưởng và giữ vững ổn định vĩ mô. Môi trường kinh tế tiếp tục được cải thiện để tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại Tự do Châu Âu – Việt Nam (EVFTA) chính thức có hiệu lực. Triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp và các nhân tố “xúc tác” vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc khôi phục lòng tin nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán như tiến trình cổ phần hóa, niêm yết, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước kỳ vọng sẽ được đẩy mạnh trong năm 2020.

- **Thách thức đến từ bên ngoài** là rất lớn và khó dự đoán. Tâm điểm là các yếu tố phi thị trường như thiên tai, dịch bệnh không thể dự đoán được. Đó là sự bất định của các yếu tố quốc tế, chiến tranh thương mại, diễn biến giá dầu, căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ và Trung Quốc, giữa Mỹ và Iran và động thái nới lỏng tiền tệ của các NHTW trên thế giới để kích thích tăng trưởng kinh tế.

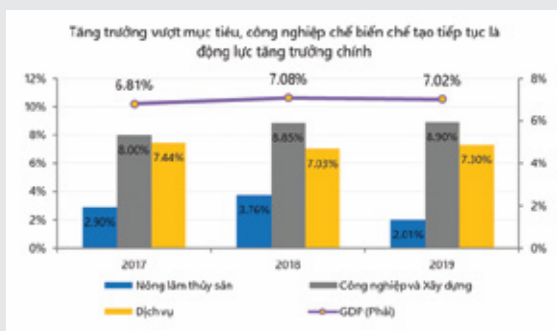
Tăng trưởng VN-Index theo năm, giai đoạn (2012 - 2019)								Bình quân
2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	năm
17.7%	22.0%	8.1%	6.1%	14.8%	48.0%	-9.3%	7.7%	14.0%



(Nguồn: Bloomberg, DFVN research)

TRIỂN VỌNG KINH TẾ

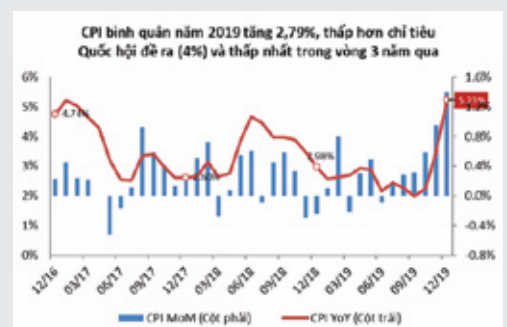
Tăng trưởng kinh tế (GDP) khả quan đạt 7,02% dù thấp hơn 2018 nhưng là năm thứ 2 liên tiếp đạt trên 7%, ngưỡng không thể đạt được trong 10 năm trước đó. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt nền kinh tế với mức tăng trưởng 11,29%. Khu vực dịch vụ tăng 7,3% chỉ thấp hơn mức tăng 7,47% của năm 2011 và 7,44% của năm 2017 trong giai đoạn 2011-2019. Tuy nhiên, khu vực nông lâm thủy sản tăng trưởng thấp do hạn hán, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới năng suất và chất lượng cây trồng, ngành chăn nuôi bị thiệt hại nặng nề bởi dịch tả lợn châu phi, nông thủy sản gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ và giá xuất khẩu.



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Động lực tăng trưởng trong năm 2020 sẽ được củng cố nhờ tăng trưởng mạnh mẽ của sức cầu tiêu dùng trong nước, trong khi lạm phát có khả năng kiểm soát ở mức vừa phải và tầng lớp có thu nhập trung bình tăng lên. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) dự báo duy trì tích cực. Xuất nhập khẩu kỳ vọng tăng khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cùng Hiệp định thương mại tự do EU-Việt Nam sẽ có hiệu lực vào năm 2020. Việc tháo gỡ vướng mắc và đẩy mạnh giải ngân các dự án đầu tư công trọng điểm sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2020.

Lạm phát được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 tăng 2,79% đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Các yếu tố chính tác động đến CPI năm 2019 tăng so với năm 2018, giá điện sinh hoạt điều chỉnh tăng theo Quyết định 648/QĐ-BCT ngày 20/03/2019 của Bộ Công Thương (tăng 8,38%); Điều chỉnh giá dịch vụ y tế, khám chữa bệnh; tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí; tăng giá nhóm hàng thực phẩm (thịt heo tăng bình quân 11,8% năm 2019)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Mục tiêu CPI bình quân năm 2020 tăng 3% - 3,5% là có thể đạt được, mặc dù còn áp lực từ tăng giá lương thực thực phẩm (thịt heo) và các dịch vụ công, điện, nước, nhưng đều nằm trong khả năng điều hành và kiểm soát của Chính phủ.

Tỷ giá VNĐ/USD duy trì xu hướng đi ngang trong năm 2019. Theo tỷ giá liên ngân hàng, VNĐ mất giá 0,98% so với USD trong năm 2019 cho dù chịu sức ép lớn từ các nhân tố bên ngoài. Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc tạo áp lực giảm chung lên giá trị đồng tiền các nước, Fed phát tín hiệu giảm lãi suất, sự mạnh lên của đồng USD và đồng Nhân dân tệ (CNY) mất giá mạnh, dòng vốn rút khỏi các thị trường mới nổi. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã thành công trong việc giữ vững sự ổn định của đồng VNĐ nhờ vào (1) cán cân thương mại thặng dư (9,9 tỷ USD), (2) cán cân tài chính thặng dư nhờ giải ngân đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI (20,4 tỷ USD), kiều hối (~16,7 tỷ USD) và dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài FII (~0,87 tỷ USD). Nhờ đó, NHNN có điều kiện để bổ sung dự trữ ngoại hối ở mức cao (~79 tỷ USD).

Tỷ giá VNĐ/USD dự báo ổn định và VNĐ mất giá không quá 1% trong năm 2020, nhờ dòng tiền tích cực từ giải ngân FDI, kiều hối và thặng dư thương mại; nguồn dự trữ ngoại hối tăng lên và áp lực bên ngoài giảm bớt liên quan đến chính sách tiền tệ nới lỏng của các NHTW trên thế giới, đặc biệt là FED.

Áp lực lãi suất lên hệ thống ngân hàng năm 2019 giảm bớt do thông tin FED hạ lãi suất và tình trạng căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiến triển tích cực vào cuối năm. Thanh khoản ngân hàng dồi dào hơn và áp lực từ tỷ giá là không lớn. Lãi suất huy động ngắn hạn bắt đầu giảm vào tháng 11 sau khi NHNN giảm lãi suất huy động tối đa đối với các kỳ ngắn hạn. Mặt bằng lãi suất huy động VNĐ phổ biến ở mức 0,2-0,8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3-5,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,5-7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng và 6,6-7,5%/năm kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Lãi suất cho vay hiện phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, 9-11% đối với trung và dài hạn tương đương mức năm 2018.

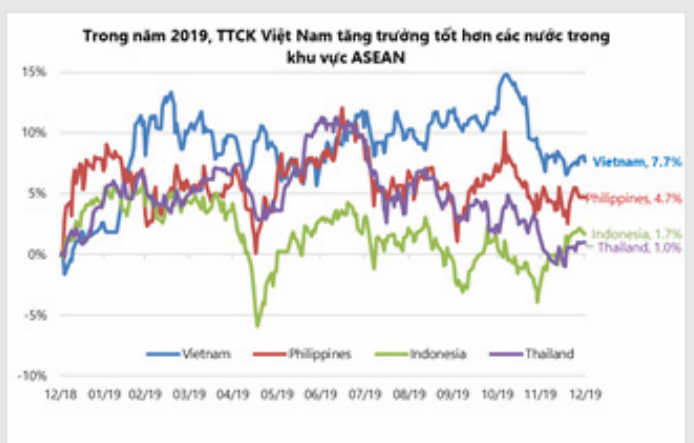
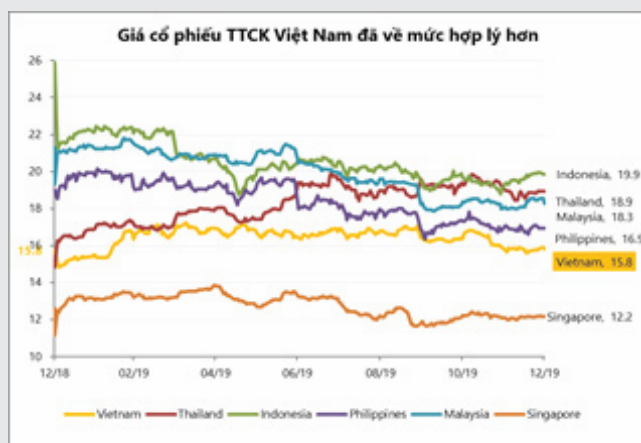


(Nguồn: NHNN, DfVN Research)

Như vậy, lạm phát và tỷ giá dự báo có thể không gây tác động lớn tới mặt bằng lãi suất trong năm 2020. NHNN có điều kiện để linh hoạt trong điều hành chính sách tiền tệ và mặt bằng lãi suất dự báo duy trì ổn định so với năm 2019.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CÓ MỘT NĂM BIẾN ĐỘNG MẠNH

Chỉ số VN-Index kết thúc phiên giao dịch cuối năm 31/12/2019 tại 960.99 điểm, tăng 7,7% trong năm 2019, cao hơn một số thị trường khu vực ASEAN như Philippines (+4,7%), Indonesia (+1,7%), Thailand (+1%). Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019 được chia làm 2 giai đoạn rõ rệt, tăng điểm trong hầu hết quý 1 và sau đó đi ngang trong phần còn lại của năm. Dù tâm lý thị trường yếu và xuất hiện nhiều rủi ro trên thị trường tài chính thế giới, VN-Index chủ yếu đi ngang trong vùng 950-1000 điểm, một tín hiệu cho thấy VN-Index đang trong một vùng tích lũy khá vững chắc để đón chờ các tín hiệu mới.

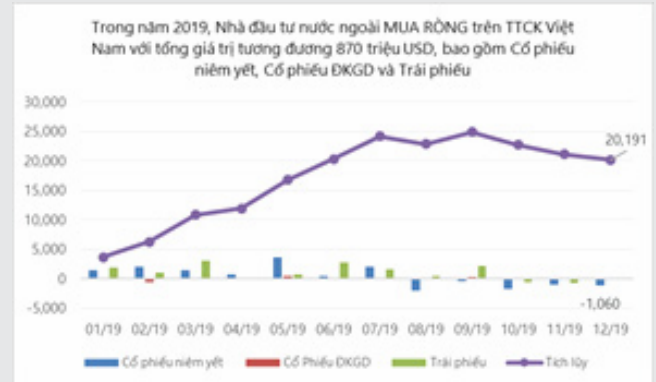


(Nguồn: Bloomberg)

Chỉ số định giá cổ phiếu (P/E) của TTCK Việt Nam năm 2019 là 15,8x, cao hơn so với mức 12,8x P/E trung bình của các TTCK mới nổi trên thế giới, nhưng thấp hơn P/E trung bình 3 năm gần nhất. So với các thị trường trong khu vực thì P/E của Việt Nam hấp dẫn tương đối so với các thị trường khác trong ASEAN như Thái Lan, Philippines, Indonesia và Malaysia. Đây là yếu tố được xem là tích cực nhất khi xem xét về tiềm năng thị trường ngay trong 2020 này. Tuy nhiên, điểm mấu chốt là triển vọng tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết sẽ thu hút dòng tiền quay lại thị trường.

Quy mô vốn hóa của cả ba sàn đạt 4.427,25 nghìn tỷ đồng tương đương 190 tỷ USD, tăng +10,64% so với năm 2018. Thanh khoản bình quân trên sàn HOSE đạt 4,1 nghìn tỷ đồng (giảm -25,4% YoY), ảnh hưởng chủ yếu đến từ kênh khớp lệnh khi giá trị giao dịch qua kênh này giảm mạnh -31,3% YoY. Bình quân giá trị giao dịch trên toàn thị trường giảm -28,5% YoY, đạt 4,87 nghìn tỷ đồng/phiên trong năm 2019.

Dòng vốn ngoại vẫn là yếu tố chi phối xu hướng thị trường. Nếu nhìn tổng thể, khối ngoại đã mua ròng hơn 6,56 nghìn tỷ đồng trên sàn HOSE trong năm 2019. Tuy nhiên, việc mua ròng xuất phát từ một vài giao dịch M&A lớn, cụ thể là giao dịch mua VIC của SK Group ngày 21/5. Tổng giá trị mua thỏa thuận VIC trong phiên này đạt hơn 5,82 nghìn tỷ đồng, chiếm 2/3 giá trị mua ròng qua thỏa thuận của cả năm 2019.



(Nguồn: UBCK Nhà nước, DFVN tổng hợp)

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2020: KHÔNG NHIỀU YẾU TỐ ĐỘT PHÁ, BÊN CẠNH CÁC NHÂN TỐ KHÓ ĐOÁN ĐỊNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG.

Một là kinh tế kỳ vọng duy trì tốc độ tăng trưởng cao, các cân đối vĩ mô được đảm bảo, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế ngày càng tăng sẽ tiếp tục là động lực chính nâng đỡ TTCK trong năm 2020. Bên cạnh đó, trong xu thế chung của các NHTW trên thế giới, chính sách tiền tệ của Việt Nam được điều chỉnh theo hướng nới lỏng thông qua cắt giảm các loại lãi suất chủ chốt vào cuối năm 2019 không chỉ nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đồng thời cũng khiến các dòng vốn dịch chuyển sang các kênh đầu tư khác trong đó có chứng khoán.

Hai là Chính phủ và Ngành chứng khoán đã và đang tích cực thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển TTCK một cách bền vững trong năm 2020 và những năm tiếp theo. Một số nội dung chính bao gồm (1) Xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy quy định Luật Chứng khoán năm 2019 nhằm hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao năng lực quản lý, giám sát đảm bảo thị trường vận hành hiệu quả, an toàn, minh bạch; (2) Tăng cường và cải thiện chất lượng hoàng hóa trên TTCK thông qua thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (3) Phát triển nâng cao năng lực cho hệ thống các tổ chức trung gian, (4) Tái cấu trúc các tổ chức hạ tầng thị trường bao gồm các Sở Giao dịch, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cho phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019 và đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường; (5) Tích cực triển khai các giải pháp nâng hạng TTCK Việt Nam nhằm thu hút các dòng vốn nước ngoài, đồng thời đưa TTCK Việt Nam tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

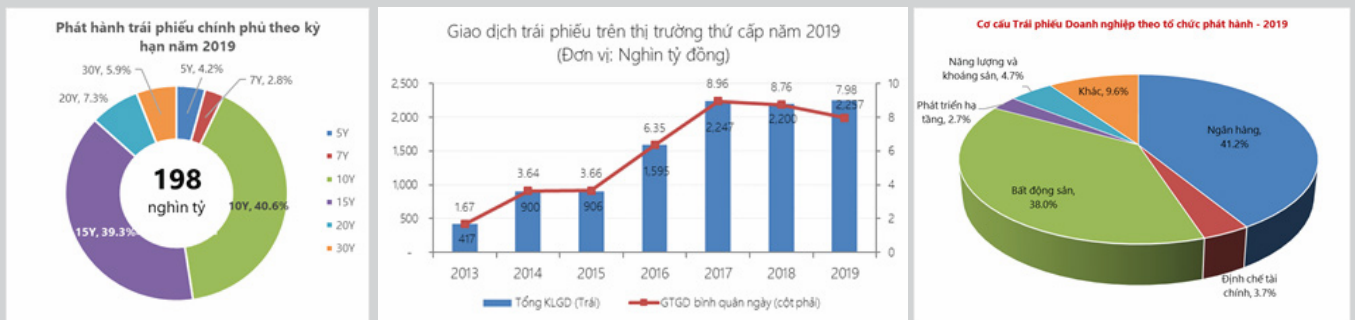
Tuy nhiên, một số chuyên gia nhận định tiến trình cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước và niêm yết mới có thể không diễn ra suôn sẻ trong năm 2020, do còn những khó khăn về pháp lý, đặc biệt trong việc định giá tài sản doanh nghiệp nhà nước dẫn đến sự trì hoãn trong việc cổ phần hóa. Mặt khác, cơ hội được nâng hạng của TTCK Việt Nam trong năm 2020 là rất thấp vì các vấn đề liên quan đến giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và về đảm bảo tiền mua chứng khoán vẫn chưa có giải pháp ngay, nên khó thu hút dòng vốn từ các quỹ đầu tư quy mô lớn. Vì vậy, đầu tư thông qua các quỹ đầu tư thụ động (ETF) vào thị trường Việt Nam có thể là giải pháp phù hợp hiện nay mà nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn.

Về các yếu tố bất định bên ngoài, trong suốt 18 tháng qua, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung luôn là yếu tố chi phối lớn nhất tới thị trường toàn cầu. Thỏa thuận giai đoạn một đã được ký kết nhưng kỳ vọng chấm dứt cuộc chiến thương mại trong năm 2020 là khó khả thi. Tiến trình Brexit dai dẳng cũng đã đến hồi kết. Tuy vậy, sự khó lường trong mối quan hệ Mỹ - Trung; những dự báo tăng trưởng không mấy tích cực ở các nền kinh tế lớn như Nhật Bản, Châu Âu...; biến động giá dầu do bất đồng giữa Nga và OPEC; diễn biến của cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ... vẫn là những yếu tố rủi ro với tăng trưởng và thị trường tài chính trong năm 2020.



THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRẦM LẶNG!

Trong năm 2019, có 197.769 tỷ đồng trái phiếu chính phủ (TPCP) được phát hành, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước (YoY). Tuy nhiên, TPCP đáo hạn trong năm 2019 là khoảng 115 nghìn tỷ đồng (gấp 2,25 lần lượng đáo hạn trong năm 2018) nên lượng phát hành ròng 2019 giảm -27,7% so với 2018. Kỳ hạn bình quân của các trái phiếu phát hành tăng từ 12,15 năm lên 13,57 năm trong 2019 và lãi suất trúng thầu giảm tới 2,2% ở kỳ hạn 5 năm và giảm từ 1,25%-1,65% ở các kỳ hạn còn lại. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng gần 14 nghìn tỷ đồng TPCP trên thứ cấp, tập trung vào 9 tháng đầu năm. Tổng giá trị giao dịch toàn thị trường đạt 2,26 triệu tỷ đồng, bình quân 9.024 tỷ đồng/phiên, tăng 3,5% so với năm 2018.



(Nguồn: VBMA, DfVN Research)

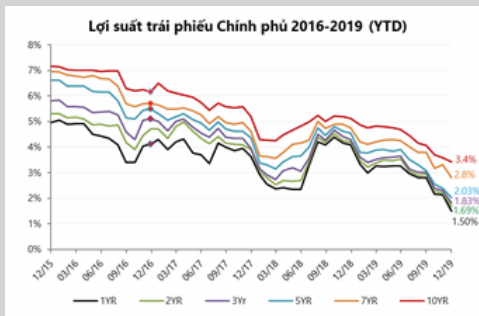
(Nguồn: HNX, SSI tổng hợp)

Kết thúc năm 2019, lợi suất TPCP các kỳ hạn giảm mạnh so với cuối năm 2018. Cụ thể, TPCP kỳ hạn 1-năm, 3-năm, 5-năm, 7-năm và 10-năm, lần lượt là 1,50%/năm (giảm 2,6%), 1,69%/năm (giảm 2,52%), 1,83%/năm (giảm 2,47%), 2,03%/năm (giảm 2,53%), 2,81%/năm (giảm 1,96%), và 3,42%/năm (giảm 1,71%) theo số liệu của Bloomberg.

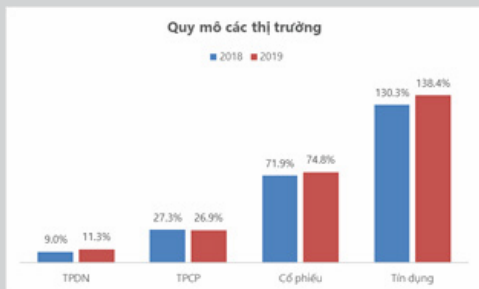
Cơ cấu nhà đầu tư trên thị trường cũng có sự chuyển biến về cơ bản: tỷ trọng nắm giữ của nhà đầu tư là các Ngân hàng thương mại giảm xuống còn 45% (so với ~80% năm 2016) và phần còn lại từ các Nhà đầu tư dài hạn khác bao gồm các công ty Bảo hiểm, Quỹ đầu tư và các tổ chức tài chính khác chiếm 55%.

Năm 2020 có khoảng 128 nghìn tỷ đồng TPCP đến hạn (gồm cả 1 tỷ USD trái phiếu ngoại tệ) – cao hơn 11% so với 2019. Nhu cầu đầu tư mới TPCP từ các NHTM và xu hướng nới lỏng tiền tệ sẽ khiến lãi suất TPCP có thể tiếp tục giảm trong 2020 nhưng mức giảm sẽ nhỏ hơn nhiều so với 2019 do lượng cung từ KBNN dự kiến cũng tăng. Trên thị trường thứ cấp, lợi suất TPCP cũng được dự báo tiếp tục giảm trong năm 2020 nhưng mức giảm sẽ không lớn do mặt bằng lãi suất đã ở mức rất thấp. Chênh lệch lợi suất TPCP kỳ hạn 10-năm giữa Việt Nam và Mỹ hiện ở mức 1,49%/năm – thuộc vùng thấp nhất trong lịch sử.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tăng trưởng mạnh trong năm 2019, bên cạnh nhiều vấn đề cần được tập trung cải thiện để thị trường này phát triển bền vững hơn trong tương lai.



(Nguồn: Bloomberg)



(Nguồn: BTC, NHNN, SSI tổng hợp)

Các Ngân hàng thương mại (NHTM) và doanh nghiệp bất động sản là những tổ chức phát hành chính trên thị trường. Theo thống kê công bố từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và từ các doanh nghiệp, trong năm 2019, có 211 doanh nghiệp thực hiện chào bán tổng cộng 300.588 tỷ đồng trái phiếu. Tổng giá trị trái phiếu phát hành cả năm là 280.141 tỷ đồng, tương đương 93,2% giá trị chào bán và tăng 25% so với năm 2018. Lượng phát hành lớn trong năm đã khiến quy mô thị trường TPDN tăng mạnh từ 9% GDP (2018) lên khoảng 11,3% GDP (2019), tổng lượng TPDN lưu hành đạt gần 670 nghìn tỷ đồng.

Quy mô thị trường TPDN vẫn khá nhỏ so với các kênh huy động vốn khác. Nền kinh tế vẫn dựa nhiều vào tín dụng ngân hàng, tổng quy mô tín dụng tại cuối 2019 khoảng 8,2 triệu tỷ đồng, tương đương tới 138,4% GDP và gấp tới 12,3 lần quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Theo thống kê của Ngân hàng Châu Á (ADB), tổng quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam (gồm cả TPCP và TPDN) tại 30/9/2019 là 95,37 tỷ USD (37,6% GDP), mức tương đương với Philippines nhưng còn cách khá xa Thái Lan (~60% GDP).

Lãi suất trái phiếu trung bình toàn thị trường là 8,8%/năm và kỳ hạn trái phiếu bình quân là 4 năm. Trong đó, 51% trái phiếu phát hành có lãi suất cố định, tập trung chủ yếu vào các trái phiếu kỳ hạn 2-3 năm của nhóm NHTM, trả lãi định kỳ hàng năm và 49% trái phiếu còn lại có lãi suất thả nổi, chủ yếu là trái phiếu

các doanh nghiệp BĐS và trái phiếu ngân hàng kỳ hạn từ 5 năm trở lên. Nhóm trái phiếu ngân hàng có lãi suất bình quân 7,04%/năm, nhóm bất động sản 10,3%/năm và nhóm các doanh nghiệp khác là 9,86%/năm.

Nhà đầu tư cá nhân tham gia ngày càng nhiều hơn vào thị trường TPDN, nên rất cần cơ quan quản lý phải ban hành các chính sách hướng dẫn và quy định pháp luật chặt chẽ để bảo vệ họ. Nhà đầu tư cá nhân thường bị hạn chế về khả năng tiếp cận thông tin cũng như kinh nghiệm đầu tư. Đây là một rủi ro không chỉ cho người tham gia đầu tư mà còn vì sự ổn định của thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài đã mua tổng cộng 14,8 nghìn tỷ đồng TPDN, chiếm 5,4% tổng lượng trái phiếu phát hành 2019. Chi phối thị trường vẫn là các nhà đầu tư tổ chức trong nước với tổng lượng mua chiếm khoảng 80% lượng phát hành.

Thị trường trái phiếu nói riêng và thị trường vốn nói chung được định hướng phát triển thành kênh huy động vốn trung dài hạn cho nền kinh tế, thay thế dần cho kênh tín dụng. Tuy nhiên, việc minh bạch trong việc công bố thông tin và phát hành đang là vấn đề trọng tâm cần được xử lý để giúp cho thị trường TPDN phát triển nhanh và bền vững trong tương lai.

NHẬN ĐỊNH KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG 2020

Năm 2020 đến với nhiều kỳ vọng. Kinh tế tăng trưởng ổn định, giải ngân đầu tư công tăng tốc, xu hướng giảm lãi suất hỗ trợ về mặt định giá và triển vọng tăng trưởng lợi nhuận cho doanh nghiệp khả quan. Bên cạnh đó, với mức định giá tương đối hấp dẫn (P/E 15,9 lần) và VN-Index đã đi ngang trong một thời gian dài, hiện đang có nhiều cơ hội hơn cho TTCK khi bước sang năm mới.

Tuy nhiên, TTCK Việt Nam sẽ vẫn phải đối mặt với không ít thách thức. Tâm điểm là các yếu tố phi thị trường như thiên tai, dịch bệnh không thể dự đoán được; Đó là sự bất định của các yếu tố quốc tế, chiến tranh thương mại, diễn biến giá dầu, căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ và Trung Quốc, giữa Mỹ và Iran trong những ngày đầu năm là một ví dụ.

Ghi chú quan trọng:

Thông tin trên đây dựa trên các nguồn dữ liệu được cho là đáng tin cậy và được công bố công khai. Ngoại trừ các thông tin về Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN), DFVN không cam kết về tính chính xác của các thông tin này. Các ý kiến, ước tính giả định diễn đạt trong bài viết này chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành bài viết này.

Các thông tin và ý kiến diễn đạt trong bài viết này không nhằm mục đích chào bán hay lời mời để chào mua hay bán bất kỳ loại chứng khoán hay bất kỳ sản phẩm chứng khoán phái sinh nào. Cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất kỳ công cụ tài chính nào cụ thể.

Đầu tư chứng khoán có rủi ro. Giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hay xuống. Kết quả đầu tư đạt được trong quá khứ, nếu có, không đảm bảo kết quả tương tự trong tương lai.



CÁC BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2019

BÁO CÁO PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	VND Số tiền
Tổng phí bảo hiểm (a)	180.819.617.318
Phí bảo hiểm cơ bản	168.164.399.180
Phí bảo hiểm đóng thêm	12.655.218.138
Quỹ mỗi rút ra của Quỹ Chủ sở hữu (b)	(17.159.233.201)
Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị (c)	88.745.624.000
Năm thứ nhất	57.465.553.500
Năm thứ hai	17.687.971.400
Năm thứ ba	7.980.793.700
Năm thứ tư	5.297.423.400
Năm thứ năm	313.882.000
Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị [(d) = (a) + (b) - (c)]	74.914.760.117

Quỹ	Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2019			Số phát sinh trong năm			Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	VND	Số đơn vị quỹ	Giá mua VND/Đơn vị quỹ	VND	Số đơn vị quỹ	VND	Số đơn vị quỹ	Giá mua VND/Đơn vị quỹ	Giá bán VND/Đơn vị quỹ
Quỹ tăng trưởng	61.555.431.460	3.901.944	15.776	21.582.800.423	999.136	83.138.231.883	4.901.080	16.963	16.963
Quỹ phát triển	64.269.599.584	4.550.013	14.125	6.701.620.164	(62.053)	70.971.219.748	4.487.960	15.814	15.814
Quỹ bảo toàn	27.133.153.414	2.205.521	12.302	1.850.872.436	11.002	28.984.025.850	2.216.523	13.076	13.076
Quỹ đảm bảo	7.178.440.777	630.466	11.386	1.397.153.977	86.846	8.575.594.754	717.312	11.955	11.955
Quỹ thịnh vượng	2.679.951.254	208.848	12.832	259.639.945	4.195	2.939.591.199	213.043	13.798	13.798
	162.816.576.489	11.496.792		31.792.086.945	1.039.126	194.608.663.434	12.535.918		

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản	Quỹ tăng trưởng VND	Quỹ phát triển VND	Quỹ bảo toàn VND	Quỹ đảm bảo VND	Quỹ thịnh vượng VND	Tổng cộng VND
Tiền mặt	10.193.205.161	3.096.586.097	3.414.568	3.242.306	360.410.073	13.656.858.205
Chi tiết danh mục đầu tư	76.782.332.641	69.054.299.873	28.982.993.727	8.591.676.241	2.714.860.109	186.126.162.591
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.168.044.000	28.982.993.727	1.417.204.383	-	31.568.242.110
▪ Trái phiếu Chính phủ	-	44.582.787.123	-	7.174.471.858	-	51.757.258.981
▪ Cổ phiếu niêm yết	76.782.332.641	23.303.468.750	-	-	2.714.860.109	102.800.661.500
Tài sản khác	(3.837.305.919)	(1.179.666.222)	(2.382.445)	(19.323.793)	(135.678.983)	(5.174.357.362)
Tổng tài sản	83.138.231.883	70.971.219.748	28.984.025.850	8.575.594.754	2.939.591.199	194.608.663.434

BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mô tả	Quỹ tăng trưởng VND	Quỹ phát triển VND	Quỹ bảo toàn VND	Quỹ đảm bảo VND	Quỹ thịnh vượng VND	Tổng VND
Thu nhập/doanh thu						
Phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ liên kết Đơn vị	59.809.049.873	6.626.136.776	7.394.076.772	1.027.116.795	58.379.901	74.914.760.117
Thu nhập đầu tư từ hoạt động đầu tư	6.285.309.464	9.012.370.599	1.853.420.539	1.416.362.295	266.257.285	18.833.720.182
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	78.044.000	1.853.420.539	77.757.808	-	2.009.222.347
▪ Trái phiếu chính phủ	-	6.648.860.000	-	1.338.604.487	-	7.987.464.487
▪ Cổ phiếu	6.285.309.464	2.285.466.599	-	-	266.257.285	8.837.033.348
Thu nhập khác	473.572.900	110.220.400	83.915.500	-	-	667.708.800
Tổng thu nhập/doanh thu (1)	66.567.932.237	15.748.727.775	9.331.412.811	2.443.479.090	324.637.186	94.416.189.099
Chi phí						
Phí bảo hiểm rủi ro	35.149.268.919	6.042.838.131	5.379.263.050	5.862.700	-	46.577.232.800
Phí quản lý hợp đồng	2.853.862.881	507.722.269	435.114.850	-	-	3.796.700.000
Phí chuyển đổi quỹ	2.950.000	100.000	3.250.000	-	-	6.300.000
Phí hủy hợp đồng	5.394.704.500	1.091.520.000	1.520.665.900	-	-	8.006.890.400
Phí quản lý quỹ	1.428.294.257	1.349.904.518	140.222.355	1.039.827.273	58.612.226	4.016.860.629
Phí hoạt động đầu tư	156.051.257	55.022.693	2.024.220	635.140	6.385.015	220.118.325
Tổng chi phí (2)	44.985.131.814	9.047.107.611	7.480.540.375	1.046.325.113	64.997.241	62.624.102.154
Chênh lệch giữa doanh thu và chi phí [(3) = (1) - (2)]	21.582.800.423	6.701.620.164	1.850.872.436	1.397.153.977	259.639.945	31.792.086.945
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ năm trước sang	-	-	-	-	-	-
Thu nhập phân chia	-	-	-	-	-	-
▪ Cho chủ hợp đồng	-	-	-	-	-	-
▪ Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ)	-	-	-	-	-	-
▪ Cho Chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ môi)	-	-	-	-	-	-
Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau	21.582.800.423	6.701.620.164	1.850.872.436	1.397.153.977	259.639.945	31.792.086.945

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH KPMG



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng Thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo Tình hình Hoạt động của các Quý Liên kết đơn vị của Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam ("Công ty") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các thuyết minh kèm theo ("Báo cáo"). Báo cáo này đã được Ban Giám đốc Công ty lập và trình bày phù hợp với các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, được trình bày từ trang 4 đến trang 10.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo phù hợp với các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 – *Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính quá khứ*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo, xét trên phương diện tổng thể không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Việc soát xét Báo cáo theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá các bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong cuộc soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo.

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH KPMG



Kết luận của kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo Tình hình Hoạt động của các Quỹ Liên kết đơn vị của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã không được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2(a) của Báo cáo trong đó có mô tả là Báo cáo này được lập để Công ty tuân thủ các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 ("Thông tư 135") do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị. Do đó, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác. Báo cáo soát xét của chúng tôi chỉ nhằm mục đích để Công ty nộp cho Bộ Tài chính và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 135 và không nhằm sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Các vấn đề khác

Báo cáo Tình hình Hoạt động của các Quỹ Liên kết đơn vị của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo này trong báo cáo soát xét ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Phân tích tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết đơn vị cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày từ trang 11 đến trang 19 không phải là một phần của Báo cáo Tình hình Hoạt động của các Quỹ Liên kết đơn vị được soát xét. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về những thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 19-01-00143-20-6



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100